

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HIỆP HOÀ
TỈNH BẮC GIANG**

Bản án số: **19/2020/HNGĐ-ST**

Ngày 26/5/2020

V/v: Hôn nhân gia đình

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HOÀ, TỈNH BẮC GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Toàn

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn N Trứ.

2/ Ông Nguyễn Xuân Trường.

T ký phiên tòa: Bà Lê N Mai-T ký Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hoà tham gia phiên tòa:

Ông Ong Văn Chúc- Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 5 năm 2020, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 06/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2020 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2020/QĐXX- ST ngày 17 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Ngô Thị B, sinh năm 1982. Địa chỉ: Ấp Đ, xã Y, huyện Y, tỉnh B- Có mặt.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Quang M, sinh năm 1978; HKTT: Ấp Đ, xã Y, huyện Y, tỉnh B; Nơi ở hiện nay: Thôn M, xã M, huyện H, tỉnh B- Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn xin ly hôn ngày 24/12/2019, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn (chị Ngô Thị B) trình bày:

Chị và anh Nguyễn Quang M cưới nhau có tình hiểu và hoàn toàn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 22/9/2009 tại UBND xã M. Sau khi cưới chị về nhà anh M làm dâu ngay và sống chung cùng gia đình sau đó chuyển về Ấp Đ, xã Y, huyện Y, tỉnh B sinh sống. Tình cảm vợ chồng ban đầu B Tòng, hạnh phúc được một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do những bất đồng về suy nghĩ của hai vợ chồng trái ngược nhau Nếu, anh M thích chơi bời, không quan tâm đến vợ con. Những bất đồng quan điểm khiến vợ chồng không thống nhất được và liên tục nảy sinh mâu thuẫn. Mọi quan hệ của hai vợ chồng chị có Nếu mâu thuẫn trở liên nghiêm trọng và không hòa giải được. Gia đình hai bên nội ngoại đã khuyên răn hai vợ chồng Nếu lần nhưng đều không được. Cuộc sống hôn nhân của vợ chồng chị ngày càng nghiêm trọng,

đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do mâu thuẫn căng thẳng và trầm trọng nên vợ sống ly thân từ tháng 9/2019 cho đến nay, chấm dứt mọi quan hệ, không còn quan tâm đến nhau. Nay chị xác định không còn tình cảm gì với anh M, vì vậy chị làm đơn xin ly hôn anh M, đề nghị Tòa giải quyết để chị được ly hôn anh M.

- Về con chung: Chị xác định vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Thị T, sinh ngày 28/9/2010, Nguyễn M N, sinh ngày 17/12/2013 và cháu Nguyễn Yến N, sinh ngày 20/5/2015. Hiện nay cả 03 cháu đang ở với anh M và ông bà nội tại xã M, huyện H, tỉnh B do anh M ngăn cản, không cho chị nuôi dưỡng và chăm sóc các con. Việc chăm sóc các con do anh M mắc nghiện ma túy, không chịu lao động nên chủ yếu đều do ông bà nội chăm sóc các cháu. Chị xác định anh M hiện nay mắc nghiện ma túy, mới chấp hành xong án phạt tù do Tòa án nhân dân huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh xử phạt về tội Tăng trử trái phép chất ma túy về, không có nghề nghiệp và tài sản gì và cũng không chịu lao động; đối với chị có công việc ổn định (là được sỹ có kinh doanh cửa hàng được) nên đủ khả năng về mặt kinh tế cũng như về mặt thời gian để chăm lo cho các con. Vì vậy, ly hôn chị đề nghị để chị được trực tiếp nuôi cả 03 con chung của vợ chồng, chị không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị. Hiện nay chị không mang thai.

- Về tài sản chung, công sức, công nợ, ruộng đất và các quan hệ khác: Chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn (anh Nguyễn Quang M): Đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt và cũng không gửi ý kiến, văn bản đến Tòa án, vì vậy không có lời khai trong hồ sơ. Tòa án đã trực tiếp cùng với địa phương về làm việc tại gia đình nhưng anh M vắng mặt. Địa phương xác định anh Nguyễn Quang M hiện có hộ khẩu Tòng trú tại Ấp Đồn, Yên Trung, Yên Phong, Bắc Ninh. Tuy Nên, từ cuối năm 2019 anh M đã về sinh sống tại nhà bố, mẹ đẻ ở thôn Mai Tọng, xã M, huyện Hiệp Hòa cho đến nay và làm nghề tự do. Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị B và anh M như thế nào địa phương không nắm được nhưng vợ chồng anh M kết hôn có đăng ký tại UBND xã M. Sau khi cưới chị B về nhà anh M làm dâu ngay, sau một thời gian thì chị B và anh M chuyển sang quê chị B ở Ấp Đồn, Yên Trung, Yên Phong, Bắc Ninh sinh sống, do có mâu thuẫn nên anh M chuyển về nhà đẻ ở Mai Tọng, M sinh sống từ cuối năm 2019 đến nay. Về con chung: vợ chồng anh M, chị B có 03 con chung là Nguyễn Thị T, sinh 28/9/2010, Nguyễn M N, sinh 17/12/2013 và Nguyễn Yến N, sinh 20/5/2015, hiện nay các cháu đang ở cùng anh M và vẫn phát triển B Tòng. Hiện nay anh M đang làm nghề tự do thu nhập thấp và mới chấp hành xong án phạt tù đối với tội ma túy về địa phương nên không có tài sản gì ở địa phương. Về tài sản: Vợ chồng anh M, chị B không có tài sản chung tại địa bàn xã M, còn có tài sản nào khác và ở đâu địa phương không nắm được.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến và xác định về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án cơ bản đúng quy định của pháp luật, đối với bị đơn không chấp hành theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 51, Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn

nhân gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thị B được ly hôn anh Nguyễn Quang M.

Về con chung: Giao chị Ngô Thị B trực tiếp nuôi cả 03 con chung của vợ chồng là cháu Nguyễn Thị T, sinh 28/9/2010, cháu Nguyễn M N, sinh 17/12/2013 và Nguyễn Yến N, sinh 20/5/2015; Anh Nguyễn Quang M không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị B cho đến khi đương sự có yêu cầu. Anh Nguyễn Quang M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Ngô Thị B phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0003526 ngày 07/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa. Xác nhận chị B đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Căn cứ đơn khởi kiện đề ngày 24/12/2019 của chị Ngô Thị B đây xác định là quan hệ tranh chấp hôn nhân và gia đình quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Nguyễn Quang M (là bị đơn) đã được Tòa án triệu tập, thông báo thụ lý vụ án, thông báo hoà giải hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ 2 nhưng đương sự vẫn vắng mặt. Qua xác M địa phương cung cấp, hiện anh M vẫn sinh sống tại thôn Mai Tợng, xã M, huyện Hiệp Hòa và làm nghề tự do, tuy Nên anh M không đến Tòa án để làm việc theo thông báo và giấy triệu tập. Vì vậy, xác định anh M đã cố tình lẩn tránh khai báo nhằm mục đích gây khó khăn cho chị B và Tòa án trong việc giải quyết ly hôn giữa chị B và anh M. Căn cứ vào khoản 1 Điều 207 và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn có tên nêu trên.

[2]. Về quan hệ tranh chấp:

[2].1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thị B và anh Nguyễn Quang M kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, thỏa thuận và có đăng ký kết hôn tại UBND xã được xác định là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

[2].2. Xét yêu cầu về việc xin ly hôn của chị B thấy rằng: Qua các chứng cứ do các bên xuất trình, lời khai của người làm chứng được biết: Vợ chồng chị B và anh M từ khi kết hôn có thời gian chung sống hạnh phúc nhưng tình cảm vợ chồng đã không duy trì phát triển được và đã phát sinh mâu thuẫn. Xuất phát từ việc hai vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm nên Từng hay cãi cọ nhau. Do mâu thuẫn căng thẳng nên anh M đã chuyển về nhà mẹ đẻ ở từ cuối năm 2019, vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay, đã chấm dứt quan hệ tình cảm, không còn quan tâm đến nhau. Chị B có đơn xin ly

hôn, anh M đã được Tòa án thông báo và triệu tập đến Tòa án để làm việc, anh M biết rõ việc Tòa án đang thụ lý giải quyết việc ly hôn giữa chị B và anh M nhưng anh M không đến làm việc theo giấy triệu tập và cũng không có ý kiến, văn bản phản hồi gì đối với việc chị B xin ly hôn. Địa phương đề nghị Tòa án tiến hành hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ, trường hợp không hòa giải được thì đề nghị giải quyết theo pháp luật, tuy Nền Tòa án không thể tiến hành hòa giải được do anh M không đến Tòa án theo thông báo và giấy triệu tập. Chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị B và anh M đã phát triển trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần áp dụng điều 55 Luật hôn nhân gia đình để giải quyết cho chị B được ly hôn anh M là phù hợp, cho nên yêu cầu xin ly hôn của chị B cần được chấp nhận.

[2].3. *Xét yêu cầu về việc nuôi con chung của hai bên thấy rằng:* Chị B và UBND xã M nơi anh M hiện nay đang sinh sống đều xác định vợ chồng chị B, anh M có 03 con chung là Nguyễn Thị T, sinh 28/9/2010, Nguyễn M N, sinh 17/12/2013 và Nguyễn Yên N, sinh 20/5/2015, hiện nay các cháu đều đang ở với anh M và ông bà nội, các cháu vẫn phát triển B Tòng. Ly hôn chị B đề nghị để chị được trực tiếp nuôi cả 03 con chung của vợ chồng vì vì xác định hiện nay anh M mới chấp hành xong án phạt tù về tội ma túy, không có nghề nghiệp gì, không chịu lao động và lại mắc nghiện ma túy, còn chị B là dược sỹ có cửa hàng bán thuốc tân dược nên có thu nhập ổn định nên đủ khả năng để nuôi cả 03 con chung của vợ chồng. Về cấp dưỡng nuôi con, chị B không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị B. Đối với anh M không có ý kiến phản hồi gì gửi cho Tòa án. Hội đồng xét xử xét thấy từ khi chị B và anh M sống ly thân thì các con chung của chị B và anh M sinh sống cùng anh M và ông bà nội cho đến nay, các cháu vẫn phát triển B Tòng. Tuy Nền, chị B xác định các cháu về sinh sống cùng anh M là do anh M đón và không cho chị B chăm sóc, nuôi dưỡng, không phải do các con tự nguyện, việc chăm sóc các con của anh M và chị B toàn bộ là do ông, bà nội chăm sóc các cháu. Chị B xác định hiện nay đang kinh doanh cửa hàng dược tại địa phương và có thu nhập ổn định, đủ điều kiện để nuôi cả 03 con chung của vợ chồng, anh M không có nghề nghiệp ổn định và mắc nghiện ma túy, hiện phải ở nhờ nhà đất của bố mẹ nên không có điều kiện để nuôi con bằng chị B. Địa phương cũng xác định anh M mới chấp hành xong án đối với tội phạm về ma túy mới về địa phương làm nghề tự do, thu nhập thấp và không có tài sản gì. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của đứa trẻ, cần giao cả 03 con chung của vợ chồng cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại các điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân gia đình. Cho nên đề nghị được nuôi con chung của chị B được chấp nhận. Anh M được quyền đi lại thăm nom con mà không ai được cản trở.

[2].4. *Về việc cấp dưỡng nuôi con:* Tại Tòa án cũng như tại phiên tòa, chị B không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị B vì xác định đủ điều kiện để tự mình nuôi con, xét thấy là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên cần được chấp nhận.

[2].5. *Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác, công sức và các quan hệ khác:* Chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết cho nên không xem xét giải quyết trong vụ án.

[2].6. *Về án phí:* Chị Ngô Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thị B được ly hôn anh Nguyễn Quang M.

Về con chung: Giao chị Ngô Thị B trực tiếp nuôi cả 03 con chung của vợ chồng là cháu Nguyễn Thị T, sinh 28/9/2010, cháu Nguyễn M N, sinh 17/12/2013 và cháu Nguyễn Yên N, sinh 20/5/2015; Anh Nguyễn Quang M không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị B cho đến khi đương sự có yêu cầu. Anh Nguyễn Quang M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Ngô Thị B phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0003526 ngày 07/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa. Xác nhận chị B đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh BG
- VKSNDHiệp Hoà
- THADS Hiệp Hoà;
- Các đương sự;
- UBND xã M;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân Toàn